

Số: 85/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, hồ sơ, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô
(thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 258/2025/QH15 của Quốc hội)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô;

Xét Tờ trình số 468/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, hồ sơ, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội; Báo cáo thẩm tra số 185/BC-BKTNS ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, hồ sơ, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, hồ sơ, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 258/2025/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
2. Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí áp dụng

1. Bảo đảm áp dụng đúng đối tượng, đúng mục đích, phù hợp với quy định của Nghị quyết số 258/2025/QH15 và pháp luật có liên quan; việc tổ chức triển khai phải bảo đảm công khai, minh bạch, khả thi, không để xảy ra tham nhũng, thất thoát, lãng phí, tiêu cực và không làm phát sinh phức tạp về an ninh, trật tự.

2. Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư phải gắn với mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian xử lý so với thời gian tương ứng của quy định pháp luật hiện hành.

3. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; bảo đảm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các dự án lớn, quan trọng của Thành phố.

Chương II

NỘI DUNG, HỒ SƠ, ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 4. Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

2. Đơn vị chuẩn bị đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

3. Đơn vị chuẩn bị đầu tư chuẩn bị 01 bộ hồ sơ bản giấy kèm theo bản điện tử của hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này, nộp theo hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc thông qua bưu điện cho Sở Tài chính.

Điều 5. Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định;
- b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;
- c) Dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố;
- d) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố;

đ) Văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội (nếu có);

e) Nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành Danh mục dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 258/2025/QH15 (nếu có);

g) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Tổ chức thẩm định

a) Việc tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư dự án được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; thành viên Hội đồng là Sở Tài chính (cơ quan thường trực) và các cơ quan nhà nước có liên quan.

Chủ tịch Hội đồng thẩm định được quyền mời chuyên gia trong nước hoặc nước ngoài có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp tham gia thẩm định. Kinh phí mời chuyên gia được bố trí từ nguồn chi của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định theo quy định của pháp luật.

b) Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài chính báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ tới các thành viên của Hội đồng thẩm định, chuyên gia (nếu được mời).

c) Thành viên Hội đồng, chuyên gia tham gia ý kiến đảm bảo thời hạn yêu cầu do Chủ tịch Hội đồng quyết định để đảm bảo tiến độ triển khai dự án.

d) Nội dung thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm định, chuyên gia phải được lập thành văn bản và là một trong các tài liệu để Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá và được tổng hợp trong Báo cáo kết quả thẩm định.

3. Nội dung thẩm định:

a) Sự phù hợp của Dự án với quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 258/2025/QH15;

b) Sự cần thiết đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Trường hợp Dự án chưa có trong quy hoạch thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 258/2025/QH15;

c) Đánh giá sơ bộ về dự báo nhu cầu, phạm vi phục vụ và dự kiến mục tiêu đầu tư, quy mô và hình thức đầu tư;

d) Đánh giá về khu vực, địa điểm đầu tư, dự kiến nhu cầu diện tích sử dụng đất và nhu cầu sử dụng tài nguyên khác (nếu có); đánh giá sơ bộ về phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư;

đ) Đánh giá về việc phân tích, lựa chọn sơ bộ các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư;

e) Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

g) Đánh giá về việc xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; căn cứ xác định sơ bộ tổng mức đầu tư; cơ cấu nguồn vốn; phân tích sơ bộ tính khả thi của các phương án huy động vốn và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công;

h) Đánh giá về việc xác định sơ bộ chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác vận hành dự án;

i) Đánh giá về tiến độ dự kiến thực hiện dự án, phân chia giai đoạn đầu tư hoặc phân chia các dự án thành phần hoặc tiểu dự án (nếu có);

k) Đánh giá sơ bộ về các giải pháp tổ chức thực hiện dự án: xác định chủ đầu tư (nếu có); hình thức quản lý dự án;

l) Đánh giá về cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

4. Trên cơ sở Báo cáo kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính thông báo kết quả thẩm định cho đơn vị chuẩn bị dự án:

a) Trường hợp đánh giá không đạt hoặc cần giải trình, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính gửi Thông báo kết quả thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án để tiếp thu, hoàn chỉnh nội dung hồ sơ.

Trên cơ sở tài liệu hoàn thiện hồ sơ của đơn vị chuẩn bị dự án, Sở Tài chính kiểm tra đánh giá sự phù hợp các nội dung yêu cầu đã được hoàn thiện với kết quả thẩm định hoặc báo cáo Hội đồng thẩm định tiến hành lấy ý kiến, đánh giá lại (nếu cần thiết) và tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng.

Theo kết quả đánh giá lại của Sở Tài chính hoặc của Hội đồng, Sở Tài chính thông báo cho đơn vị chuẩn bị dự án hoặc trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Trường hợp được đánh giá đạt yêu cầu, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định.

Điều 6. Quyết định chủ trương đầu tư dự án

1. Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố sau khi có ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ trình quyết định chủ trương đầu tư gồm:

a) Tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Các tài liệu quy định tại điểm b, d, đ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này, trong đó các nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được hoàn thiện theo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định; dự thảo Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố phù hợp báo cáo nghiên cứu khả thi trình.

- c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định;
- d) Ý kiến của cấp có thẩm quyền;
- đ) Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố thẩm tra Tờ trình và dự thảo Nghị quyết kèm theo hồ sơ dự án do Ủy ban nhân dân Thành phố trình.

4. Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án. Thời gian thông qua Nghị quyết phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Nội dung quyết định chủ trương đầu tư dự án bao gồm: Mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, địa điểm, nguồn vốn, thời gian thực hiện; cơ chế, giải pháp và chính sách thực hiện (nếu có).

Điều 7. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án

1. Trong trường hợp dự án phát sinh thay đổi về mục tiêu, địa điểm, quy mô, vượt tổng mức đầu tư so với nội dung đã được phê duyệt tại Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư thì dự án phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 4, 5, 6 Nghị quyết này, trong đó, cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao tổ chức lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh hoặc chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Tờ trình đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án cần làm rõ các nội dung: Lý do điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; các nội dung điều chỉnh dự án tương ứng với các nội dung của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và sự phù hợp với các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cá nhân, tổ chức tham gia thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án chỉ chịu trách nhiệm đối với kết quả thẩm định các nội dung đề nghị điều chỉnh, không chịu trách nhiệm về các nội dung đã được thẩm định, quyết định trước.

Chương III

NỘI DUNG, HỒ SƠ, ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN PPP

Điều 8. Lập đề xuất chủ trương đầu tư

1. Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị dự án.

2. Đơn vị chuẩn bị dự án tổ chức lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư. Chuẩn bị 01 bộ hồ sơ bản giấy kèm theo bản điện tử của hồ sơ theo quy định tại khoản 1

Điều 9 Nghị quyết này nộp theo hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc thông qua bưu điện đến Sở Tài chính.

3. Trường hợp dự án PPP do Nhà đầu tư đề xuất, Nhà đầu tư tổ chức lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 9. Thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư của đơn vị chuẩn bị dự án hoặc của nhà đầu tư;

b) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

c) Văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội (nếu có);

d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Danh mục dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 258/2025/QH15 (nếu có);

đ) Dự thảo Tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án của Ủy ban nhân dân Thành phố;

e) Dự thảo Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố;

g) Trường hợp nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất: Hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực của nhà đầu tư; Cam kết bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với nghĩa vụ của nhà đầu tư;

h) Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án;

2. Tổ chức thẩm định

a) Việc tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư dự án được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; thành viên Hội đồng là Sở Tài chính (cơ quan thường trực) và các cơ quan nhà nước có liên quan.

Chủ tịch Hội đồng thẩm định được quyền mời chuyên gia trong nước hoặc nước ngoài có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp tham gia thẩm định. Kinh phí mời chuyên gia được bố trí từ nguồn chi của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định theo quy định của pháp luật.

b) Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài chính báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và đồng thời gửi hồ sơ tới các thành viên của Hội đồng thẩm định, chuyên gia (nếu được mời).

c) Thành viên Hội đồng, chuyên gia tham gia ý kiến đảm bảo thời hạn yêu cầu do Chủ tịch Hội đồng quyết định để đảm bảo tiến độ triển khai dự án.

d) Nội dung thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm định, chuyên gia phải được lập thành văn bản và là một trong các tài liệu để Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá và được tổng hợp trong Báo cáo kết quả thẩm định.

3. Nội dung thẩm định:

a) Sự phù hợp của Dự án với quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 258/2025/QH15.

b) Điều kiện lựa chọn dự án để đầu tư theo phương thức PPP:

- Phù hợp với ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15.

- Có lợi thế so với các hình thức đầu tư khác căn cứ các yếu tố so sánh về chi phí chuẩn bị đầu tư; khả năng thu hút nguồn vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý từ nhà đầu tư; khả năng thực hiện dự án và nghĩa vụ hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền.

- Có khả năng bố trí vốn nhà nước trong trường hợp dự án có nhu cầu sử dụng vốn nhà nước hoặc có khả năng bố trí nguồn ngân sách nhà nước.

c) Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; trường hợp dự án chưa có trong quy hoạch thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 258/2025/QH15;

d) Cơ chế chia sẻ phân giảm doanh thu;

đ) Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án PPP có sử dụng vốn nhà nước theo nội dung quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Đối với dự án BT, các nội dung thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này và các nội dung sau:

a) Yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn của công trình dự án BT. Việc thẩm định các nội dung về phương án thiết kế sơ bộ, kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan;

b) Sơ bộ tổng mức đầu tư công trình dự án BT được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng trên cơ sở phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn của công trình dự án BT;

c) Phương thức thanh toán cho nhà đầu tư đối với dự án BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, gồm những nội dung: nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (trường hợp thanh toán từ nguồn vốn đầu tư công); vị trí, diện tích của quỹ đất, tài sản công dự kiến đấu giá (trường hợp thanh toán từ nguồn thu được sau đấu giá);

d) Phương thức thanh toán cho nhà đầu tư đối với dự án BT thanh toán bằng quỹ đất, gồm những nội dung: vị trí, diện tích, giá trị dự kiến của quỹ đất thanh toán.

5. Việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với phần vốn đầu tư công trong dự án PPP bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Mục đích sử dụng phần vốn đầu tư công;
- b) Dự kiến tiến độ bố trí vốn trong kế hoạch hằng năm.

6. Trên cơ sở Báo cáo kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính thông báo kết quả thẩm định cho đơn vị chuẩn bị dự án, nhà đầu tư:

a) Trường hợp đánh giá không đạt hoặc cần giải trình, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính gửi Thông báo kết quả thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án, nhà đầu tư để tiếp thu, hoàn chỉnh nội dung hồ sơ.

Trên cơ sở tài liệu hoàn thiện hồ sơ của đơn vị chuẩn bị dự án, nhà đầu tư Sở Tài chính kiểm tra đánh giá sự phù hợp các nội dung yêu cầu đã được hoàn thiện với kết quả thẩm định hoặc báo cáo Hội đồng thẩm định lấy ý kiến, đánh giá lại (nếu cần thiết) và tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định.

Theo kết quả đánh giá lại của Sở Tài chính hoặc của Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính thông báo cho đơn vị chuẩn bị dự án, nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ đề xuất hoặc trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Trường hợp Hồ sơ được đánh giá đạt yêu cầu, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định.

Điều 10. Quyết định chủ trương đầu tư dự án

1. Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố sau khi có ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ trình quyết định chủ trương đầu tư gồm:

a) Tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Các tài liệu quy định tại điểm b, c, d, e, g, h khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này, trong đó các nội dung trong báo cáo đề xuất dự án đã được hoàn thiện theo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định;

c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định;

d) Ý kiến của cấp có thẩm quyền;

đ) Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố thẩm tra hồ sơ dự án do Ủy ban nhân dân Thành phố trình.

4. Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án. Thời gian thông qua Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án bao gồm:

- a) Tên dự án;
- b) Tên cơ quan có thẩm quyền;
- c) Mục tiêu; dự kiến quy mô, địa điểm, dự kiến thời gian xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, thời hạn hợp đồng dự án; nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên khác (nếu có);
- d) Dự kiến loại hợp đồng dự án PPP;
- đ) Sơ bộ tổng mức đầu tư; cơ cấu nguồn vốn trong dự án, dự kiến khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ công đối với dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng;

e) Cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu (nếu có).

6. Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất gồm nội dung quy định tại khoản 5 Điều này và nội dung sau:

a) Tên nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; tên cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ của nhà đầu tư; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, nhà đầu tư;

b) Tiến độ, thời gian nhà đầu tư nộp báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

c) Nội dung cần thiết khác (nếu có).

7. Quyết định chủ trương đầu tư dự án BT bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên dự án; tên cơ quan có thẩm quyền; tên nhà đầu tư đề xuất dự án;

b) Mục tiêu; dự kiến quy mô, địa điểm, thời gian xây dựng công trình dự án BT và thời hạn hợp đồng dự án;

c) Sơ bộ tổng mức đầu tư công trình dự án BT;

d) Dự kiến loại hợp đồng dự án BT và phương thức thanh toán tương ứng.

Điều 11. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án

1. Chủ trương đầu tư dự án PPP được điều chỉnh khi thay đổi mục tiêu, địa điểm, quy mô, loại hợp đồng dự án PPP, tăng tổng mức đầu tư từ 10% trở lên hoặc tăng giá trị vốn nhà nước trong dự án PPP trong các trường hợp sau đây:

a) Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng;

b) Quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi;

c) Khi điều chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 8, 9, 10 Nghị quyết này, trong đó, cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao tổ chức lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh hoặc chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Hồ sơ trình điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án gồm:

a) Tờ trình đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, trong đó làm rõ các nội dung: Lý do điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; các nội dung điều chỉnh dự án tương ứng với các nội dung của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và sự phù hợp với các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm: Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trước đó (nếu có); báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh;

c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định. Nội dung thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh tương ứng với các nội dung quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 9 của Nghị quyết này đối với các nội dung đề nghị điều chỉnh;

d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4. Trường hợp điều chỉnh dự án PPP dẫn đến tăng tổng mức đầu tư dự án và tăng phần vốn nhà đầu tư phải thu xếp để thực hiện dự án thì ngoài hồ sơ điều chỉnh dự án PPP quy định tại khoản 3 Điều này, nhà đầu tư cập nhật hồ sơ năng lực tài chính, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án sau khi điều chỉnh.

5. Cá nhân, tổ chức tham gia thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án chỉ chịu trách nhiệm đối với kết quả thẩm định các nội dung đề nghị điều chỉnh, không chịu trách nhiệm về các nội dung đã được thẩm định, quyết định trước.

Chương IV

NỘI DUNG, HỒ SƠ, ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ

Điều 12. Lập đề xuất dự án đầu tư

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;

b) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm: báo cáo tài chính năm gần nhất của nhà đầu tư được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất khi đề xuất dự án đối với doanh nghiệp mới thành lập trong năm; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính;

d) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu

có), đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

đ) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

e) Văn bản chỉ đạo cần triển khai ngay của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội (nếu có);

g) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Danh mục dự án quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 258/2025/QH15 (nếu có);

h) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước lập bao gồm:

a) Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, xác định các trường hợp thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất (nếu có), dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư;

c) Văn bản chỉ đạo cần triển khai ngay của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội (nếu có);

d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Danh mục dự án quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 258/2025/QH15 (nếu có);

đ) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng, ngoài những nội dung quy định tại điểm d khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều này, đề xuất dự án đầu tư gồm:

a) Dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có).

b) Đối với dự án phát triển nhà ở: Thuyết minh việc đáp ứng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội.

4. Cơ quan nhà nước lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế).

5. Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ bản giấy kèm theo bản điện tử của hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, nộp trực tiếp tại Sở Tài chính hoặc Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (đối

với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế).

Điều 13. Thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Tổ chức thẩm định:

a) Việc tổ chức thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Thành viên Hội đồng thẩm định gồm cơ quan thường trực và các sở, ngành Thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan, trong đó:

- Đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế; dự án đầu tư thực hiện đồng thời ở cả trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế: cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định là Sở Tài chính.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế: cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định là Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

Chủ tịch Hội đồng thẩm định được quyền mời chuyên gia trong nước hoặc nước ngoài có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp tham gia thẩm định. Việc mời chuyên gia được thực hiện trên cơ sở yêu cầu khách quan của từng dự án. Nội dung tham gia thẩm định của chuyên gia phải được lập thành văn bản và là một trong các tài liệu để Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định. Kinh phí mời chuyên gia được bố trí từ nguồn chi của cơ quan thường trực Hội đồng theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định Thành phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ đến các thành viên Hội đồng, chuyên gia và các bộ, ngành Trung ương theo quy định để yêu cầu thẩm định.

c) Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án do Chủ tịch Hội đồng thẩm định Thành phố quyết định để đảm bảo tiến độ triển khai dự án;

d) Chuyên gia, các bộ, ngành Trung ương (nếu được lấy ý kiến thẩm định) và Thành viên Hội đồng có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định;

đ) Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổng hợp ý kiến thẩm định và đề xuất Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổ chức họp đánh giá kết quả thẩm định;

e) Trường hợp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư được Hội đồng thẩm định đánh giá đạt yêu cầu, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổng hợp, hoàn thiện báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư dự án;

g) Trường hợp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư được Hội đồng thẩm định đánh giá không đạt yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định gửi thông báo cho cơ quan nhà nước lập đề xuất hoặc nhà đầu tư để tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư. Thông báo phải nêu rõ căn cứ, nội dung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trường hợp cơ quan nhà nước lập đề xuất hoặc nhà đầu tư không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn đã được thông báo, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét dừng giải quyết hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập đề xuất hoặc nhà đầu tư.

Trên cơ sở tài liệu hoàn thiện hồ sơ của cơ quan nhà nước lập đề xuất hoặc nhà đầu tư, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định kiểm tra đánh giá sự phù hợp các nội dung yêu cầu đã được hoàn thiện với kết quả thẩm định hoặc báo cáo Hội đồng thẩm định tiến hành lấy ý kiến, đánh giá lại (nếu cần thiết) và tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định.

Trên cơ sở kết quả đánh giá lại của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định hoặc của Hội đồng thẩm định, trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét dừng giải quyết hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước lập đề xuất hoặc nhà đầu tư.

2. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại một địa điểm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định hồ sơ đề xuất dự án đầu tư của nhà đầu tư đầu tiên. Trường hợp đề xuất dự án đầu tư của nhà đầu tư đầu tiên không đáp ứng quy định thì thực hiện theo điểm g khoản 1 Điều này và cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định theo nguyên tắc xem xét lần lượt đề xuất dự án đầu tư của từng nhà đầu tư tiếp theo. Hồ sơ của các nhà đầu tư khác (nếu có) nộp sau 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên sẽ không được xem xét và trả lại.

3. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm:

a) Dự án đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a hoặc điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 258/2025/QH15.

b) Sự cần thiết đầu tư; đánh giá sự phù hợp của đề xuất dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô, quy hoạch đô thị và quy hoạch phân khu đô thị có liên quan; trường hợp dự án chưa có trong quy hoạch thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 258/2025/QH15.

c) Đánh giá sự phù hợp của đề xuất dự án đầu tư với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; phương án giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư;

d) Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; xác định dự án thuộc khu vực cần bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc không thuộc khu vực này (đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở theo quy định pháp luật về nhà ở);

đ) Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội;

e) Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa và các điều kiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

g) Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế thuộc diện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

4. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư bao gồm:

a) Các nội dung thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất;

c) Đánh giá sơ bộ tổng vốn đầu tư; năng lực tài chính của nhà đầu tư (phải đáp ứng điều kiện có vốn chủ sở hữu không thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 ha, không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 ha trở lên và phải bảo đảm khả năng huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư);

d) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

đ) Các điều kiện khác đối với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan;

e) Đánh giá cơ sở pháp lý và điều kiện chấp thuận nhà đầu tư đồng thời chấp thuận chủ trương đầu tư.

Điều 14. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Hồ sơ trình chấp thuận chủ trương đầu tư gồm:

- a) Hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 12 Nghị quyết này;
- b) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định;
- c) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư gồm:

a) Nhà đầu tư thực hiện dự án (đối với trường hợp đã lựa chọn nhà đầu tư theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư) hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư;

b) Tên dự án; mục tiêu; quy mô (sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; vốn đầu tư của dự án (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có), thời hạn hoạt động của dự án;

c) Địa điểm thực hiện dự án đầu tư;

d) Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện từng giai đoạn (đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn);

đ) Công nghệ áp dụng (nếu có);

e) Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có);

g) Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư (nếu có);

h) Trách nhiệm của nhà đầu tư, cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư;

i) Trách nhiệm của cơ quan được giao lựa chọn nhà đầu tư;

k) Thời điểm có hiệu lực của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án trên cơ sở hồ sơ đề xuất dự án, kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và sau khi có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư nếu thuộc trường hợp quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tương ứng tại Điều 12, 13, 14 chương IV Nghị quyết này.

Chương V

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
4. Quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh phù hợp.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày Nghị quyết số 258/2025/QH15 hết hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, Kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2025. /

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, QH-KT, NN&MT, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố; các Ban của HĐND TP;
- Văn phòng Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy,
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ các xã, phường;
- Trung tâm Truyền thông, Dữ liệu và Công nghệ số TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà

[Handwritten mark]